TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/HS-ST
Ngày: 16/7/2024.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuân - Cán bộ Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;

2. Bà Bạc Thị Thanh Thùy - Cán bộ Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn T**; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 16/9/1992 tại: Xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn B, sinh năm 1945 và con bà Lò Thị C, sinh năm 1946; bị cáo có vợ là Lò Thị T1 sinh năm 1992 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị Tòa án kết tội, chưa bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị bắt tạm tạm giam ngày 03/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hà Thị T2, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, (Có mặt).

+ **Bị hại**:

1. Ông **Vàng A D**, sinh năm 1960; cư trú tại: Bản H, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

2. Chị **Quàng Thị Q**, sinh ngày 27/7/2006; cư trú tại: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Quàng Thị Q: Bà Lò Thị K, sinh năm 1988; cư trú tại: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Quàng Thị Q: Ông Trịnh Ngọc M là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 01/5/2024 bị cáo Quàng Văn T đi bộ một mình từ nhà ở bản N, xã N ra trung tâm xã N xin đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết ra khu vực thị trấn T. Khi đến khu vực ngã ba thuộc khối T, thị trấn T bị cáo xuống xe máy đi bộ vào Trung tâm Y tế huyện T nhằm mục đích để trộm cắp tài sản. Bị cáo đi lên phòng số 6 tầng 3 khoa Liên chuyên khoa (nay là khoa Răng, hàm, mặt, mắt, tai, mũi, họng). Sau khi quan sát thấy có hai người phụ nữ đang ngủ trưa tại phòng thì bị cáo đã lẻn vào trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đen trị giá 1.266.600 đồng (*một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*) bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0965.921.944 dạng sim Nano sim của nhà mạng V, loại Sim thường không kèm gói cước, sim đã đăng ký chính chủ (không xác định được giá trị) của chị Quàng Thị Q để ở đầu giường gần cửa sổ. Sau khi trộm cắp được điện thoại di động bị cáo cất vào túi quần bên phải tiếp tục đi lên phòng số 3, tầng 3 khoa Nội tổng hợp. Quan sát thấy mọi người đang ngủ trưa bị cáo đã lẻn vào trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, Redmi a2, màu đen trị giá 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0397.159.870 dạng sim Nano Sim của nhà mạng V, loại sim thường không kèm gói cước, sim đã đăng ký chính chủ (không xác định được giá trị) của ông Vàng A D đang để ở đầu giường gần cửa phụ hành lang. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại di động bị cáo đã trộm cắp là 2.266.600 đồng (*hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*). Trộm cắp được 02 chiếc điện thoại di động bị cáo Quàng Văn T đi bộ về nhà, trên đường đi bị cáo đã tháo thẻ sim của hai chiếc điện thoại vứt đi và xin đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết về xã N. Đến ngày 02/5/2024 bị cáo Quàng Văn T bị Công an thị trấn T triệu tập đến để làm rõ sự việc, tại đây bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 02 chiếc điện thoại di động đã trộm cắp cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra.

Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐGTS ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đen, số Seri 3CMTT5C3HG00, điện thoại cũ đã qua sử dụng (không gắn sim) định giá 1.266.600 đồng (*một triệu hai trăm sáu*

mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, Redmi a2, màu đen, số IMEI 1: 863941067460544, IMEI 2: 863941067460551, điện thoại cũ đã qua sử dụng (không gắn sim) định giá 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). 02 (*hai*) thẻ sim điện thoại, (chủng loại Nano SIM) nhà mạng Viettell, loại sim thường không kèm gói cước (sim đã đăng ký chính chủ) không xác định được giá.

Tại bản Cáo trạng số: 99/CT-VKSTG ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Quàng Văn T về tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Kiểm sát viên xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; nhất trí với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật có phần còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, không phạt bổ sung bằng tiền và miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại đơn đề nghị của bị hại Quàng Thị Q và tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Quàng Thị Q trình bày: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 01/5/2024, chị Quàng Thị Q ở Trung tâm Y tế huyện T chăm cháu nhỏ bị ốm. Khi chị đang nằm tại phòng số 6 tầng 3 khoa Liên chuyên khoa (nay là khoa Răng, hàm, mặt, mắt, tai, mũi, họng) thì bị mất trộm 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Apple, Iphone 7 plus, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đen, do bị cáo Quàng Văn T trộm cắp. Cơ quan điều tra đã thu hồi được điện thoại bị trộm cắp và trả lại cho chị Quàng Thị Q, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và chị xin vắng mặt tại phiên tòa. Về phần hình phạt, nhất trí với phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Tại đơn đề nghị của bị hại Vàng A D trình bày: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 01/5/2024, ông Vàng A D đang nằm ngủ tại phòng số 3, tầng 3 khoa Nội tổng hợp của Trung tâm Y tế huyện T thì bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, Redmi a2, màu đen, do bị cáo Quàng Văn T trộm cắp, điện thoại đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã thu hồi được điện

thoại bị trộm cắp và trả lại cho ông Vàng A D, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Khoảng hơn 12 giờ ngày 01/5/2024 bị cáo Quàng Văn T vào Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Điện Biên trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus, trị giá 1.266.600 đồng (*một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*) của chị Quàng Thị Q và trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, Redmi a2, màu đen trị giá 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) của ông Vàng A D; tổng giá trị 02 chiếc điện thoại di động là 2.266.600 đồng (*hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*). Đến ngày 02/5/2024 bị cáo Quàng Văn T bị Công an thị trấn T triệu tập đến để làm rõ sự việc, tại đây bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 02 chiếc điện thoại di động đã trộm cắp cho cơ quan Công an. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; lệnh bắt bị can để tạm giam; bản kết luận định giá tài sản; bản luận điều tra; các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Với hành vi và giá trị tài sản đã trộm cắp thì bị cáo phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2] Về tính chất và mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị C1 Quàng Thị Q và ông Vàng A D nói riêng; gây mất an toàn trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên nói chung. Tội phạm bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có cha đẻ được thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được gia đình nuôi cho học hết lớp 8/12 sau đó nghỉ học ở nhà, năm 2019

nghiện chất ma túy. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật đồng thời giúp bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là sản xuất nông nghiệp, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị: Xét mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Người bào chữa đề nghị: Xét thấy mức hình phạt người bào chữa đề nghị cho bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Quàng Thị Q đề nghị: Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Quàng Thị Q là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Quàng Thị Q và ông Vàng A D đã nhận lại điện thoại di động bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với hai người đàn ông đã cho bị cáo đi nhờ xe, do bị cáo không quen biết hai người này nên không có cơ sở để điều tra xác minh, làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 chiếc thẻ sim điện thoại, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple, Iphone 7 plus và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi, Redmi a2. Ngày 11/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho bị hại chị Quàng Thị Q và ông Vàng A D là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về hành vi và các quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024). Bị hại Quàng Thị Q và Người đại diện hợp pháp của bị hại Quàng Thị Q, bị hại Vàng A D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Quàng Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP, Sở TP tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- CQĐT + Nhà tạm giữ CAH Tuần Giáo;
- Bộ phận HSNV Công an h. Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Người bào chữa;
- Bị cáo; Bị hại, Người ĐDHPCBH;
- Người BVQVLIHP của bị hại;
- THAHS + Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương